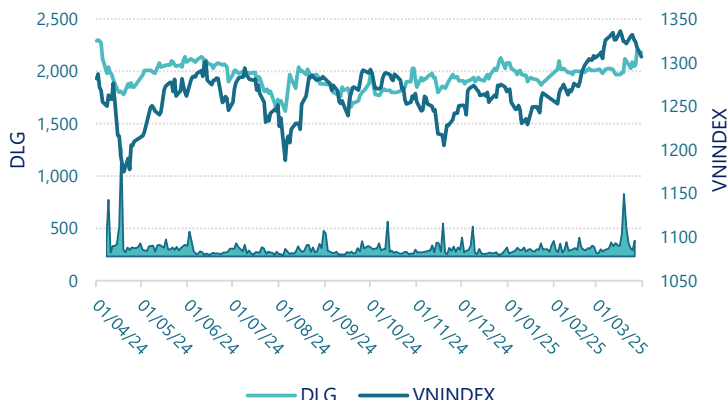




CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai (HSX: DLG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	2,180
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	2,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,620
SL cổ phiếu LH	299,309,720
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,852,425
% sở hữu nước ngoài	6.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	652
P/E	3.1
EPS	708

DT thuần

Q1/25

153

tỷ VNĐ

QoQ: ▼64.0| -29.4%

YoY: ▼113| -42.4%

LN sau thuế

Q1/25

41.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼83.9| -67.2%

YoY: ▲ 5.60| 15.7%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

51.8%

+/- YoY: ▲ 70.4%

DT thuần

2024

1,059

tỷ VNĐ

YoY: ▼63.0| -5.7%

LN sau thuế

2024

244

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 823| 142%

ROE

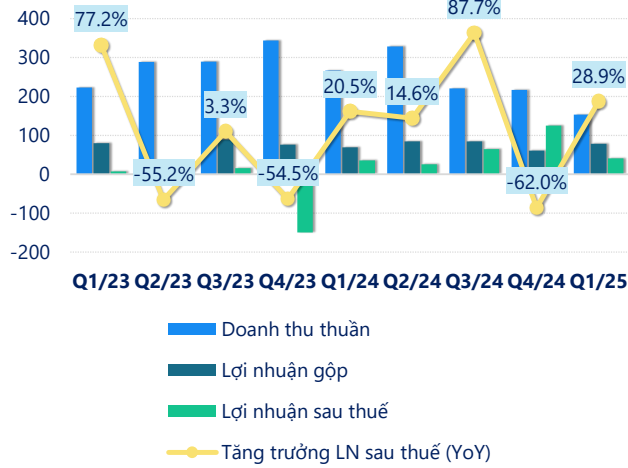
2024

32.5%

+/- YoY: ▲ 105%

tỷ VNĐ

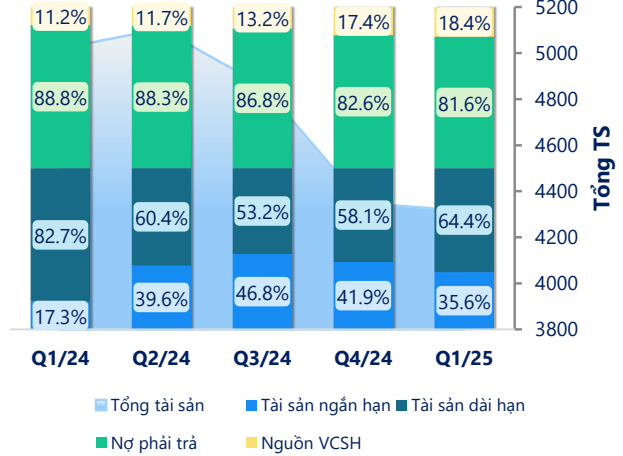
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

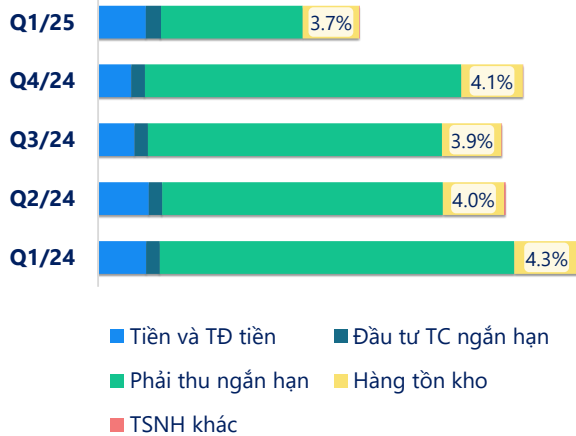
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



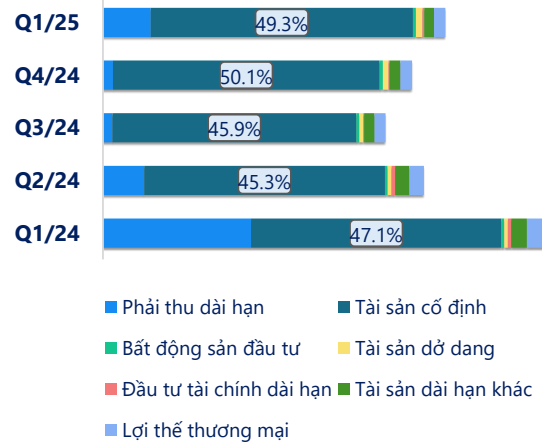
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

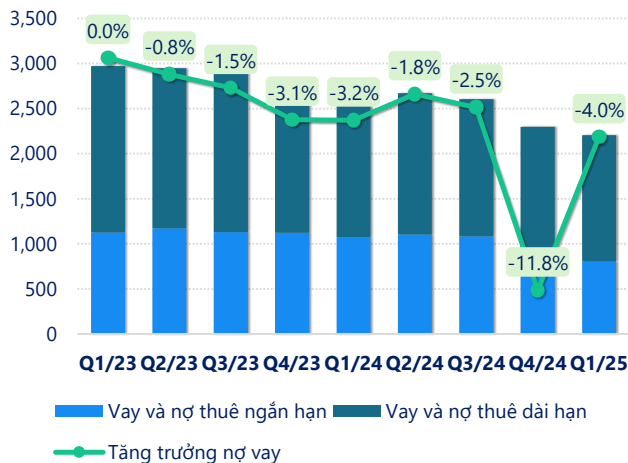
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

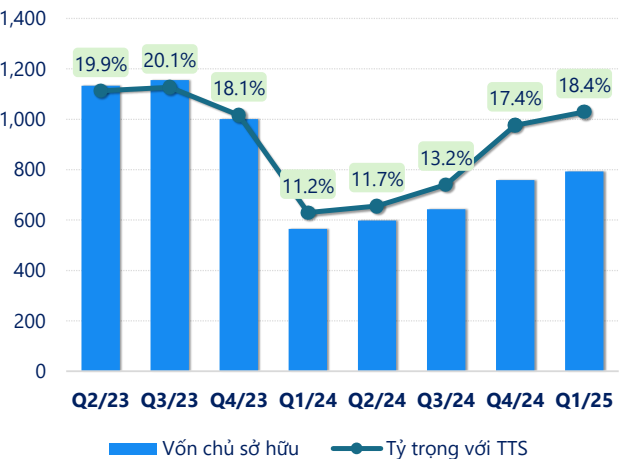
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

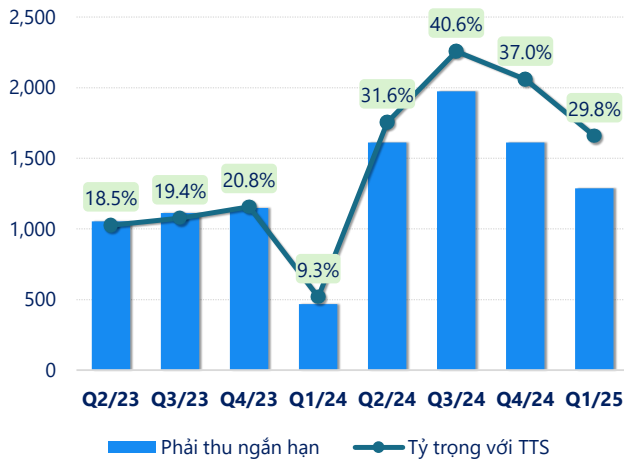
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



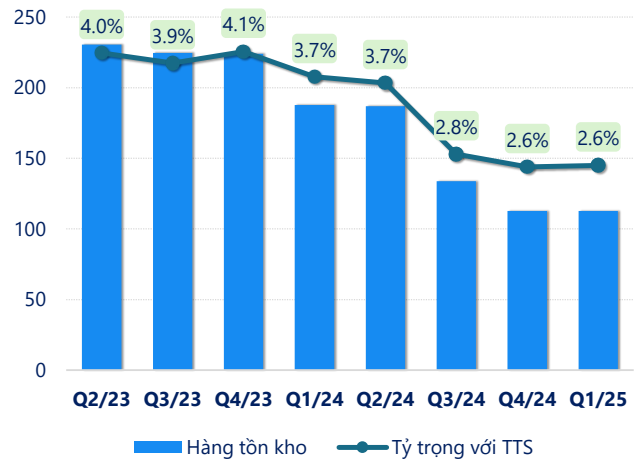
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


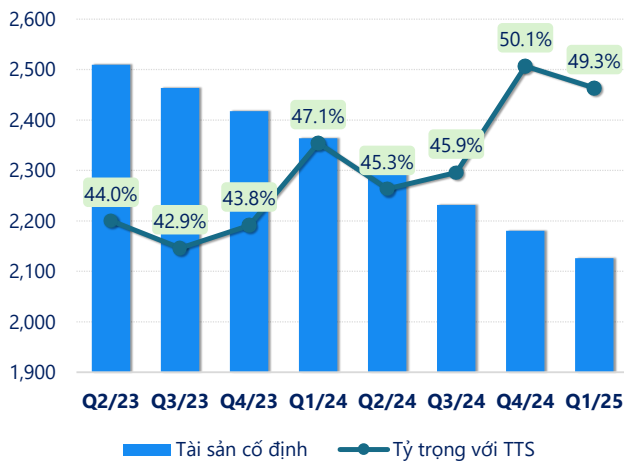
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


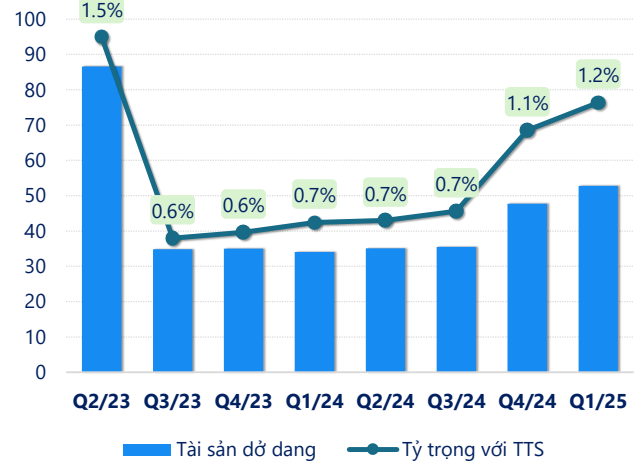
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

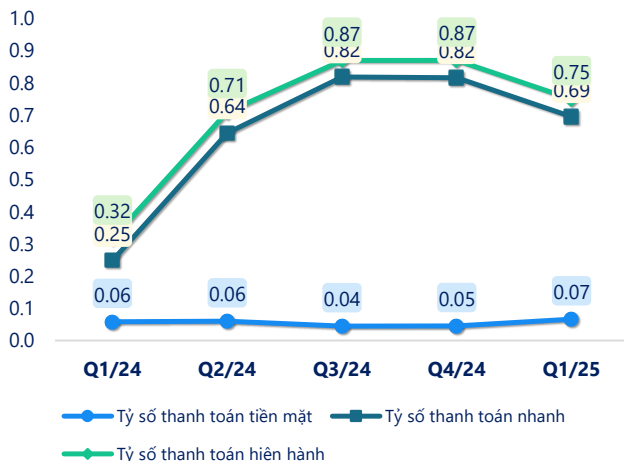
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

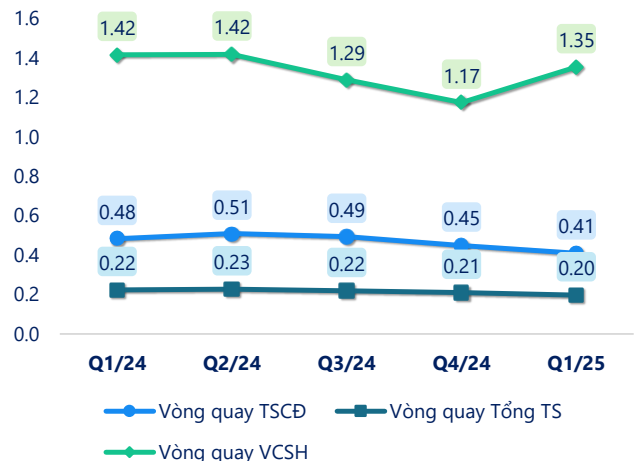
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	5,020	5,105	4,860	4,349	4,315
Tài sản ngắn hạn	866	2,022	2,276	1,820	1,537
Tiền và tương đương tiền	159	171	117	95.0	136
Đầu tư tài chính ngắn hạn	50.0	50.0	50.0	0	0
Phải thu ngắn hạn	468	1,613	1,974	1,611	1,287
Hàng tồn kho	188	187	134	113	113
Tài sản ngắn hạn khác	2.02	1.99	1.61	1.80	1.72
Tài sản dài hạn	4,153	3,083	2,583	2,529	2,778
Phải thu dài hạn	1,398	396	85.5	81.9	388
Tài sản cố định	2,364	2,311	2,232	2,180	2,126
Bất động sản đầu tư	27.1	26.8	26.5	26.2	25.9
Tài sản dở dang	34.1	35.1	35.5	47.7	52.8
Đầu tư tài chính dài hạn	31.2	35.3	7.04	7.16	13.1
Tài sản dài hạn khác	147	138	96.5	89.0	79.6
Lợi thế thương mại	152	140	101	96.5	92.2
Nợ phải trả	4,455	4,507	4,216	3,590	3,522
Nợ ngắn hạn	2,733	2,849	2,618	2,093	2,050
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,073	1,101	1,084	865	803
Phải trả người bán ngắn hạn	272	299	210	206	197
Nợ dài hạn	1,723	1,658	1,598	1,498	1,472
Vay và nợ thuê dài hạn	1,649	1,571	1,521	1,433	1,403
Nguồn vốn chủ sở hữu	565	598	643	758	793
Vốn chủ sở hữu	565	598	643	758	793
Vốn điều lệ	2,993	2,993	2,993	2,993	2,993
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)